

Thủ Đức, ngày 21 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 851/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị D, sinh năm: 1983;

Địa chỉ thường trú: đường số 10, khu phố 4, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Anh Nguyễn Đại Chánh Tr, sinh năm: 1978;

Địa chỉ thường trú: 51/2/27 đường số 10, khu phố 4, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Đại Chánh Tr là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 61; quyển số: 01; ngày 14/6/2005 của Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 24/8/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/9/2020, chị Lê Thị D và anh Nguyễn Đại Chánh Tr yêu cầu

Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, về con chung: chị Lê Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Lê Trung K, sinh ngày: 29/10/2009; anh Nguyễn Đại Chánh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi con thành niên; về tài sản chung, nợ chung các bên xác định không có trong thời kỳ hôn nhân.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị Lê Thị D và anh Nguyễn Đại Chánh Tr thật sự tự nguyện ly hôn; tài sản chung, nợ chung không có; việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Lê Thị D và anh Nguyễn Đại Chánh Tr thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 61; quyển số: 01; ngày 14/6/2005 của Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Lê Trung K, sinh ngày: 29/10/2009 cho chị Lê Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh Nguyễn Đại Chánh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi con thành niên, bắt đầu thi hành từ tháng 10/2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do chị Lê Thị D và anh Nguyễn Đại Chánh Tr phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị Lê Thị D và anh Nguyễn Đại Chánh Tr đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0057674 ngày 04/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thúy Nga